TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HS-ST
Ngày 15 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Chỉnh;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình Sthụ lý số: 65/2018/HSST ngày 25/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST - HS ngày 30/10/2018 đối với bị cáo:

Tạ Văn T, sinh ngày 10/4/2000; Nơi sinh, nơi cư trú thôn Phú Yên1, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn Svà bà Lưu Thị C; Tiền án; Tiền sự: Không. Nhân thân: Tháng 9/2015, Chủ tịch UBND xã T quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 3 tháng đối với T theo Nghị định 111/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/7/2018 đến ngày 31/7/2018, hiện bị cáo tại ngoại "có mặt".

- *Bị hại:* Anh Hứa Văn T, sinh năm 2002 "vắng mặt".

- *Đại diện hợp pháp bị hại*: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1983 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1983 "vắng mặt".
Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 16/7/2018, T vào cửa hàng máy tính Anh Đức ở số nhà 559, ngã tư Đồi Ngô, thị trấn Đồi Ngô, huyện N, tỉnh Bắc Giang để chơi. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T gọi điện cho bạn đến đón về nhưng không được nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô để lấy phương tiện đi lại. T quan sát thấy có chiếc xe mô tô Wave α màu trắng đen bạc biển kiểm soát 98F1 - 138.52 đang dựng trước cửa quán, xe không khóa cổ khóa càng, không có người trông coi, T liền dắt chiếc xe mô tô này ra ngoài đường. Do không có dụng cụ mở khóa điện của xe nên T dắt xe đi tìm quán sửa xe để phá khóa xe. Khi T đang dong xe đến đoạn cổng Trường mầm non Hoa Hồng ở phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện N thì bị Công an thị trấn Đồi Ngô kiểm tra và yêu cầu T về trụ sở để làm việc. Sau khi về trụ sở Công an thị trấn, T lợi dụng sơ hở đã bỏ trốn và để lại xe. Đến ngày 22/7/2018, T mượn chiếc xe mô tô Wave màu đỏ đen bạc, biển kiểm soát 98B2 - 858.28 của chị gái là Tạ Thị Bé, để đi chơi. Trong quá trình đi chơi, do đánh rơi chìa khóa xe nên T đã dắt xe đến phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô, huyện N, tỉnh Bắc Giang để đánh chìa khóa. Tại đây, T bị Tổ tuần tra kiểm soát an ninh trật tự của Công an thị trấn Đồi Ngô kiểm tra, đưa về trụ sở làm việc. T đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô Wave α màu trắng đen bạc biển kiểm soát 98F1 - 138.52. Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 24/7/2018 xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F1 - 138.52 trị giá 14.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Hứa văn T đã nhận lại được tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra thu giữ của Tạ Văn T số tiền 580.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Tạ Văn T.

Bị cáo Tạ Văn T trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Bản cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 22/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Tạ Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tạ Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản". Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo T số tiền 580.000đ và 01 chứng minh thư nhân dân vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại Phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các đương Skhác, cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 16/7/2018, tại cửa hàng máy tính Anh Đức ở số nhà 559, ngã tư Đồi Ngô, thị trấn Đồi Ngô, huyện N, tỉnh Bắc Giang, Tạ Văn T lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Wave α màu sơn trắng đen bạc biển kiểm soát 98F1 - 138.52 của anh Hứa Văn T; Trị giá tài sản do T trộm cắp xác định là: 14.800.000 đồng; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, gia đình bị cáo có chú ruột là liệt sỹ (hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng). Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình Scủa bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm bất hợp pháp đến tài

sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhân thân: Tháng 9/2015, Chủ tịch UBND xã T quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 3 tháng. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính, thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính là 2 năm, do vậy, bị cáo được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Khi bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nói trên, bị cáo là người chưa thành niên và thời hạn kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đến ngày phạm tội (16/7/2018) là đã quá 6 tháng. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy bị cáo T có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền cho bị cáo.

[4] Về vấn đề bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Về số tiền 580.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Tạ Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo, đương Sđược quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố bị cáo Tạ Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Tạ Văn T 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Tạ Văn T cho UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình S02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Tạ Văn T 580.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Tạ Văn T.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Tạ Văn T được miễn án phí hình Sơ thẩm .

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã T;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh